

SỰ TRỞ LẠI CỦA GÃ KHỔNG LỒ

25/09/2025

KHUYẾN NGHỊ	TĂNG TỶ TRỌNG
Giá hợp lý	92,500
Giá hiện tại	79,200
Tiềm năng tăng/giảm	17%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	1,478.5
Free float (triệu)	1,108.8
Vốn hóa (tỷ VND)	114,284.7
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	9,299,809
Sở hữu nước ngoài (%)	47.1%
Ngày niêm yết đầu tiên	14/07/2014

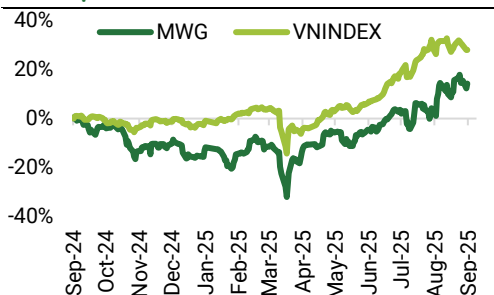
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới bán lẻ	10.5%
Arisaig Asia Fund Limited	3.5%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Trần Huy	2.2%
Nguyễn Đức Tài	2.2%
Khác	81.6%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	3,302
BVPS (VND)	20,047
Nợ/VCSH	105.1%
ROA (%)	6.6%
ROE (%)	17.4%
P/E	25.7
P/B	3.9
Tỷ suất cổ tức (%)	1.3%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

MWG là nhà bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam, vận hành hơn 5,500 cửa hàng trên toàn quốc với các chuỗi Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh, Bách Hóa Xanh và An Khang, hoạt động trong các mảng ICT, điện máy, bách hóa và nhà thuốc.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Dương Trung Hoa
hoaduong@phs.vn

- KQKD tháng 8/2025 của MWG vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực. Lũy kế 8T2025, MWG ghi nhận doanh thu tăng 13.5% YoY đạt 99,801 tỷ đồng, hoàn thành 67% kế hoạch doanh thu 2025 do công ty đặt ra và đạt 65% so với dự phóng trước đó của chúng tôi.
- MWG đặt ra định hướng chiến lược mới trong giai đoạn 2026F – 2030F: mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng kép CAGR >15%/năm đối với chuỗi TGDD/DMX; chuỗi BHX mở rộng mạng lưới cửa hàng đến miền Bắc từ năm 2026F và mở mới 1,000 cửa hàng/năm. Bên cạnh đó, BLĐ đặt mục tiêu IPO cho Thế Giới Di Động (chuỗi TGDD/DMX) vào năm 2030, IPO Bách Hóa Xanh vào năm 2028 và hướng đến IPO chuỗi Erablue.
- Với (1) nền tảng hạ tầng, dịch vụ vững chắc; (2) kỳ vọng giành thêm thị phần từ các cửa hàng nhỏ lẻ và (3) dung lượng thị trường bán lẻ bách hóa còn rất lớn cùng với hiệu suất vận hành liên tục cải thiện, chúng tôi tin rằng MWG sẽ tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực trong thời gian tới.
- Chúng tôi điều chỉnh dự phóng KQKD năm 2025F/26F với doanh thu đạt lần lượt là 153,911/173,079 tỷ đồng (+14.6%/12.5% YoY) và LNST đạt lần lượt là 6,289/7,821 tỷ đồng (+68.5%/24.4% YoY). Biên lợi nhuận ròng của MWG năm 2025F/26F đạt mức 4.1%/4.5%.
- Sử dụng phương pháp SOTP và DCF, chúng tôi ước tính giá hợp lý dành cho MWG là 92,500 VND/cổ phiếu. Với mức tăng giá tiềm năng là 17% so với giá đóng cửa ngày 24/09/2025, chúng tôi nâng khuyến nghị từ **NẮM GIỮ** thành **TĂNG TỶ TRỌNG**.

Cập nhật KQKD 8T25

Dù rơi vào giai đoạn thấp điểm, KQKD tháng 8/2025 của MWG vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực với tổng doanh thu đạt 13,294 tỷ đồng (+16.3% YoY, +3.5% MoM). Lũy kế 8T2025, MWG ghi nhận doanh thu tăng 13.5% YoY đạt 99,801 tỷ đồng, hoàn thành 67% kế hoạch doanh thu 2025 do công ty đặt ra và đạt 65% so với dự phóng trước đó của chúng tôi.

Chuỗi bán lẻ ICT-CE tăng trưởng tích cực

Thế Giới Di Động-TopZone là động lực tăng trưởng chính của MWG. Doanh thu 8T25 tăng 20.9% YoY đạt 22,555 tỷ đồng nhờ mức tăng trưởng mạnh mẽ của nhóm hàng máy tính xách tay, đạt 68% so với dự phóng trước đó của chúng tôi. Tốc độ đóng cửa hàng đã giảm so với giai đoạn trước, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng cũng đang được cải thiện liên tục. Trong kỳ, MWG đã đóng 7 cửa hàng, đưa tổng số cửa hàng TGDD-TopZone còn lại 1,014. Theo chúng tôi ước tính, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng tính đến tháng 8/2025 tăng 11.8% YoY đạt 2.7 tỷ đồng/tháng.

Điện Máy Xanh: Doanh thu 8T25 tăng 10.7% YoY đạt 44,511 tỷ đồng, đạt 71% so với dự phóng trước đó của chúng tôi. Công ty đã đóng 5 cửa hàng từ đầu năm đến nay và mở thêm 1 cửa hàng trong tháng 8, đưa tổng số cửa hàng DMX đạt 2,023 cửa hàng. Doanh thu bình quân mỗi cửa hàng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2.8 tỷ đồng/tháng (+25.6% YoY).

Ngoài ra, cơn sốt iPhone 17 series trong tháng 9 dự kiến sẽ mang lại kết quả tích cực cho KQKD Quý 3 của MWG, khi Việt Nam được nằm trong nhóm thị trường đầu tiên mở bán sản phẩm này. Theo thông tin từ MWG, chỉ sau 30 phút mở chương trình đặt trước vào ngày 12/09/2025, hệ thống đã ghi

nhận hơn 80,000 lượt đặt, lập kỷ lục mới về doanh số đặt trước, qua đó củng cố vị thế dẫn đầu của MWG trên thị trường bán lẻ sản phẩm Apple.

Chuỗi Bách Hóa Xanh tiếp tục mở rộng

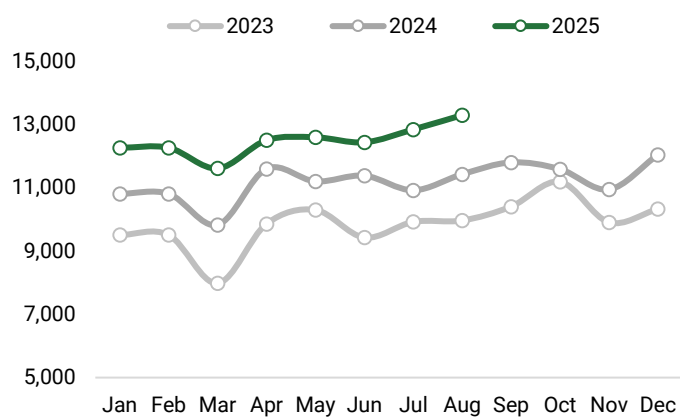
Lũy kế 8T25, doanh thu chuỗi BHX tăng 13.8% YoY đạt 30,439 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với kỳ vọng của chúng tôi. Tính đến cuối tháng 8/2025, chuỗi đã mở 463 cửa hàng mới, trong đó hơn 50% tập trung tại khu vực miền Trung. Theo chúng tôi ước tính, doanh thu bình quân mỗi cửa hàng BHX giảm 17.3% YoY đạt 1.8 tỷ đồng/tháng. Dù vậy, BHX vẫn mang lại tín hiệu tích cực là LNST Q2/2025 của BHX đã đạt 182 tỷ đồng, biên lợi nhuận ròng đạt 1.6% nhờ tối ưu hóa chi phí. Trong 2 tháng gần đây, hiệu suất cửa hàng cũng đã cải thiện nhẹ (+2.1%/1.8% MoM), kỳ vọng tiếp tục cải thiện hiệu quả kinh doanh và tạo tiền đề để tiếp tục mở rộng trong tương lai.

Bảng 1: Tổng hợp KQKD 8T25 của MWG

Tỷ VND	1H24	1H25	% YoY	8T24	8T25	% YoY	% Kế hoạch 25F MWG	% Dự phóng 25F PHS
Doanh thu thuần	65,621	73,755	12.4%	87,967	99,801	13.5%	67%	65%
TGDĐ+TopZone	13,518	16,575	22.6%	18,649	22,555	20.9%		68%
Điện Máy Xanh	30,776	32,855	6.8%	40,201	44,511	10.7%		71%
Bách Hóa Xanh	19,489	22,615	16.0%	26,742	30,439	13.8%		58%

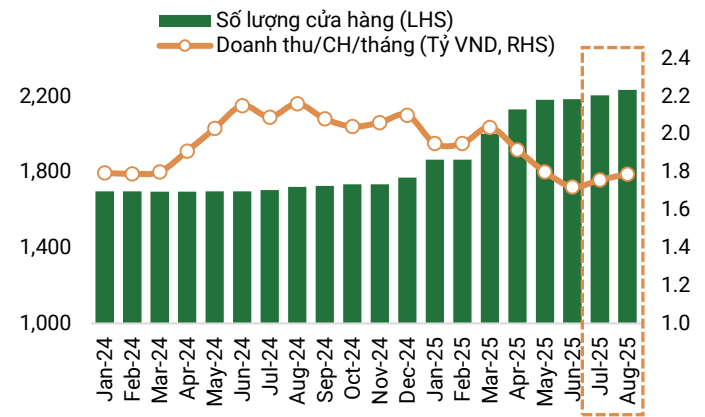
Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Hình 1: Doanh thu MWG theo tháng trong 3 năm qua



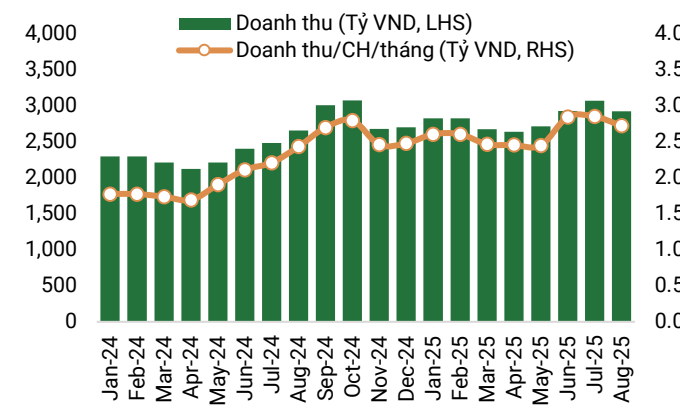
Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Hình 2: Hiệu quả hoạt động của Bách Hóa Xanh



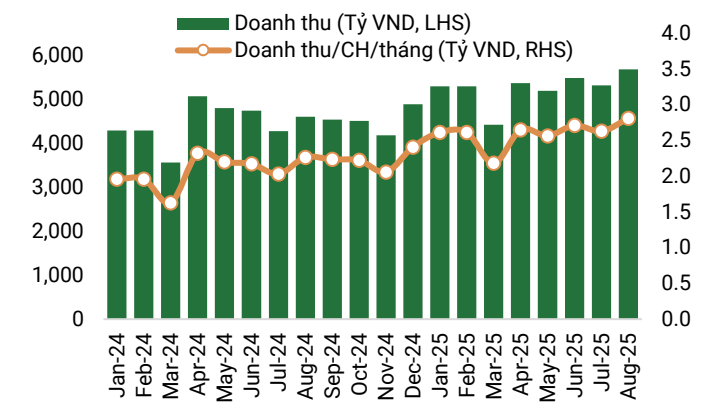
Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Hình 3: Hiệu quả hoạt động của Thế Giới Di Động



Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Hình 4: Hiệu quả hoạt động của Điện Máy Xanh



Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

MWG: Định hướng chiến lược đến năm 2030F

Trong giai đoạn 2026F – 2030F, MWG đặt mục tiêu:

1. Thế Giới Di Động/Điện Máy Xanh: Tái định nghĩa tăng trưởng từ “lượng” sang “chất”

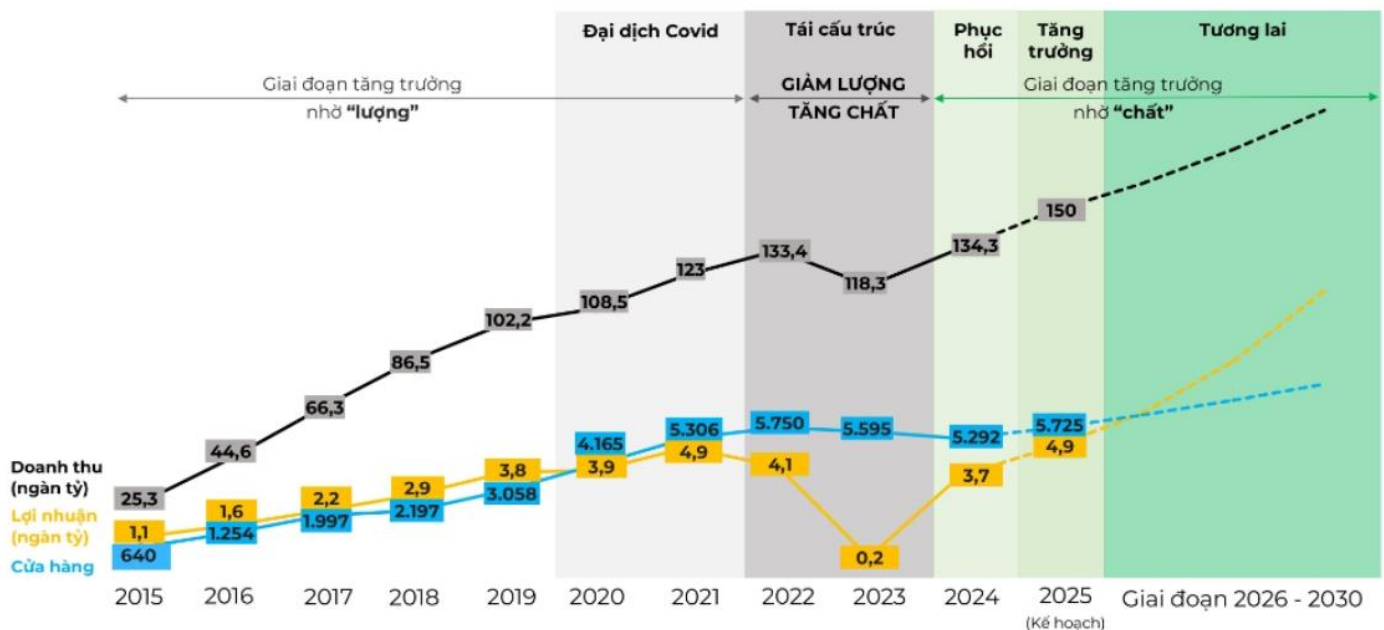
- Tăng trưởng bằng “chất”: tối ưu nền tảng hiện hữu, cá nhân hóa trải nghiệm, tích hợp dịch vụ và mở rộng ra khu vực
- Giải pháp trọn vòng đời sản phẩm: bán hàng – tài chính – bảo hành – bảo trì – nâng cấp
- Triển khai Super App – tích hợp nhiều dịch vụ, cá nhân hóa hành vi tiêu dùng, khai thác tốt hơn nhờ vượt trội về hậu mãi và dịch vụ từ offline
- Mục tiêu gia tăng gấp đôi lợi nhuận 2025 vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng kép CAGR duy trì >15%/năm
- Erablue (liên doanh tại Indonesia): đã đạt điểm hòa vốn, mục tiêu mở 500 cửa hàng

2. Bách Hóa Xanh: Tăng tốc để hiện thực hóa tầm nhìn 2030F

- Mở rộng mạng lưới cửa hàng đến miền Bắc từ năm 2026F
- Mục tiêu mở mới 1,000 cửa hàng/năm giai đoạn 2026F – 2030F
- Mục tiêu doanh thu năm 2030F đạt 10 tỷ USD
- Triển khai văn hóa “Familyship” với nhà cung cấp để tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo đặt mục tiêu IPO cho Thế Giới Di Động (chuỗi TGDD/DMX) vào năm 2030, IPO Bách Hóa Xanh vào năm 2028 và hướng đến IPO chuỗi Erablue theo lộ trình của liên doanh.

Hình 5: Hành trình phát triển của MWG từ năm 2015 vừa định hướng đến năm 2030F

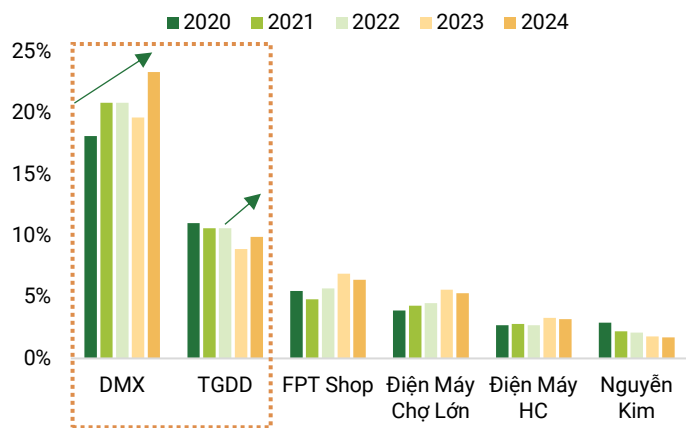


Nguồn: MWG, PHS tổng hợp

Trong 8T25, TGDD/DMX đã ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ (+14.0% YoY), tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu về thị phần trong ngành

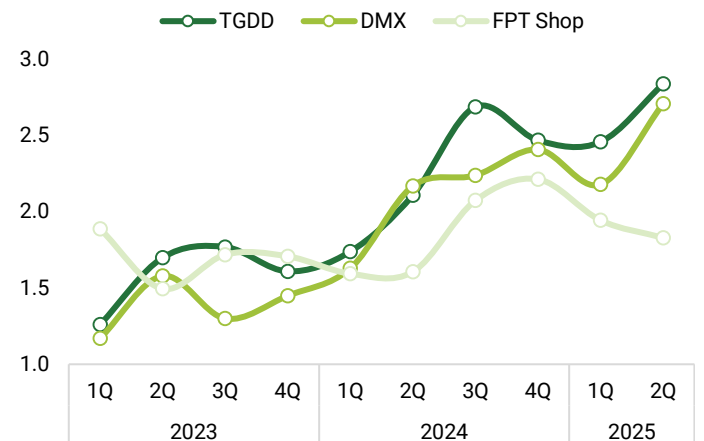
bán lẻ ICT/CE. Chúng tôi cho rằng đà tăng trưởng này sẽ tiếp tục được duy trì nhờ một số yếu tố hỗ trợ: (1) chính sách của Chính phủ thúc đẩy thương mại điện tử và siết chặt quản lý hàng giả, hàng xách tay, hàng không rõ nguồn gốc giúp giành thêm thị phần từ các cửa hàng nhỏ lẻ; (2) nền tảng hạ tầng, dịch vụ và thương hiệu đã được MWG xây dựng và củng cố trong nhiều năm qua, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững. Với những lợi thế này, chúng tôi kỳ vọng TGDD/DMX sẽ duy trì mức tăng trưởng doanh thu đến 2 chữ số trong thời gian tới.

Hình 6: Thị phần của các chuỗi bán lẻ ICT/CE theo giá trị (%)



Nguồn: Euromonitor, PHS tổng hợp

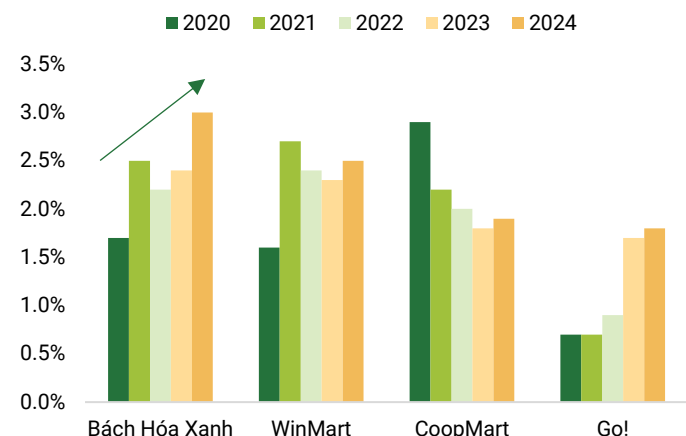
Hình 7: Doanh thu/CH/tháng các chuỗi bán lẻ ICT/CE



Nguồn: Báo cáo công ty, PHS tổng hợp

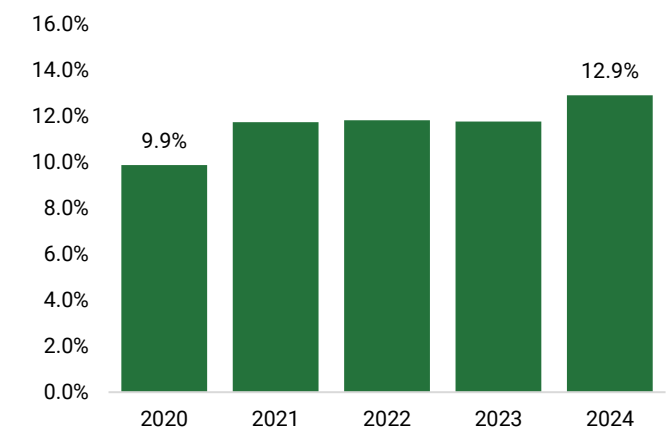
Đối với ngành hàng bán lẻ bách hóa, kênh hiện đại mới chỉ mới chiếm khoảng gần 13% dung lượng thị trường (năm 2024), cho thấy dư địa tăng trưởng cho kênh hiện đại còn rất nhiều. Trong đó, Bách Hóa Xanh hiện giữ vị trí dẫn đầu thị phần, thông qua chiến lược nhanh chóng mở rộng mạng lưới và cải thiện hiệu suất vận hành nhờ tối ưu hóa chi phí (chi phí trung tâm phân phối DC giảm xuống 3% doanh thu so với mức 5% trước đây). Với mục tiêu gia tăng độ phủ toàn quốc của MWG và hiệu suất vận hành đã được chứng minh, chúng tôi kỳ vọng chuỗi BHX tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ cả về doanh thu và lợi nhuận trong các năm tới.

Hình 8: Thị phần của các chuỗi bán lẻ bách hóa theo giá trị (%)



Nguồn: Euromonitor, PHS tổng hợp

Hình 9: % Tỷ trọng kênh hiện đại ngành bán lẻ bách hóa



Nguồn: Euromonitor, PHS tổng hợp

Dự phóng KQKD năm 2025F/26F

Dựa trên các triển vọng đã phân tích, chúng tôi thực hiện điều chỉnh dự phóng năm 2025F/26F đối với MWG, với các điểm chính như sau:

1. Thế Giới Di Động + TopZone:

- Giảm số lượng cửa hàng TGDD đóng cửa trong năm 2025F/26F còn lần lượt là 10/0 cửa hàng (so với 55/0 trước đó).
- Tăng doanh thu bình quân mỗi cửa hàng trong năm 2025F/26F đạt lần lượt là 2.6/2.8 tỷ đồng/tháng (+1.7%/2.9% so với dự phóng trước đó).

2. Điện Máy Xanh:

- Giảm số lượng cửa hàng DMX đóng cửa trong năm 2025F/26F còn lần lượt là 10/0 cửa hàng (so với 55/0 trước đó)
- Tăng doanh thu bình quân mỗi cửa hàng trong năm 2025F/26F đạt lần lượt là 2.5/2.7 tỷ đồng/tháng (+6.3%/6.9% so với dự phóng trước đó)

3. Bách Hóa Xanh:

- Tăng số lượng cửa hàng BHX mở mới trong năm 2025F/26F đạt lần lượt 600 cửa hàng/năm (so với mức 400/100 cửa hàng mở mới trước đó), tương đương với kế hoạch năm 2025.
- Giảm doanh thu bình quân mỗi cửa hàng năm 2025F/26F đạt lần lượt 1.7/1.6 tỷ đồng/tháng (-15.5%/-19.6% so với dự phóng trước đó do tính đến các cửa hàng mở mới chưa thể vận hành tối đa hiệu suất trong giai đoạn đầu)

Do đó, chúng tôi điều chỉnh dự phóng KQKD năm 2025F/26F với doanh thu đạt lần lượt là 153,911/173,079 tỷ đồng (+14.6%/12.5% YoY) và LNST đạt lần lượt là 6,289/7,821 tỷ đồng (+68.5%/24.4% YoY). Với chiến lược tối ưu hóa chi phí đã triển khai kể từ đầu năm 2025 đến nay, chúng tôi điều chỉnh biên lợi nhuận ròng của MWG năm 2025F/26F đạt mức 4.1%/4.5%.

Bảng 2: Dự phóng KQKD MWG năm 2025/26F

Tỷ VND	Dự phóng cũ			Dự phóng mới		% Thay đổi so với dự phóng cũ	
	2024A	2025F	2026F	2025F	2026F	2025F	2026F
Thế Giới Di Động + TopZone							
Số cửa hàng	1,021	966	966	1,011	1,011	4.7%	4.7%
Doanh thu/CH/tháng	2.2	2.5	2.7	2.6	2.8	1.7%	2.9%
Điện Máy Xanh							
Số cửa hàng	2,026	1,971	1,971	2,016	2,016	2.3%	2.3%
Doanh thu/CH/tháng	2.1	2.4	2.5	2.5	2.7	6.3%	6.9%
Bách Hóa Xanh							
Số cửa hàng	1,770	2,170	2,270	2,370	2,970	9.2%	30.8%
Doanh thu/CH/tháng	1.9	2.0	2.0	1.7	1.6	-15.5%	-19.6%
An Khang							
Số cửa hàng	326	326	326	326	326	0.0%	0.0%

Doanh thu thuần	134,341	152,456	162,123	153,911	173,079	1.0%	6.8%
% YoY		13.5%	6.3%	14.6%	12.5%		
Thế Giới Di Động + TopZone	30,092	33,373	35,599	34,562	38,048	3.6%	6.9%
% YoY		10.9%	6.7%	14.9%	10.1%		
Điện Máy Xanh	59,513	62,963	66,077	67,244	71,710	6.8%	8.5%
% YoY		5.8%	4.9%	13.0%	6.6%		
Bách Hóa Xanh	41,108	52,880	57,081	48,866	59,954	-7.6%	5.0%
% YoY		28.6%	7.9%	18.9%	22.7%		
<i>Khác</i>	3,627	3,240	3,367	3,240	3,367	0.0%	0.0%
Lợi nhuận gộp	27,499	31,408	33,631	31,214	35,635	-0.6%	6.0%
Chi phí bán hàng	(19,850)	(21,827)	(22,841)	(19,166)	(21,596)	-12.2%	-5.4%
Chi phí QLDN	(3,566)	(3,888)	(4,087)	(4,693)	(5,216)	20.7%	27.6%
EBIT	4,084	5,693	6,702	7,356	8,823	29.2%	31.6%
Thu nhập tài chính, ròng	1,188	1,305	1,864	1,311	1,953	0.5%	4.8%
EBT	4,826	7,010	8,583	8,679	10,793	23.8%	25.8%
NPAT	3,733	5,079	6,219	6,289	7,821	23.8%	25.8%
% YoY		36.1%	22.4%	68.5%	24.4%		
Biên lợi nhuận gộp	20.5%	20.6%	20.7%	20.3%	20.6%	-1.6%	-0.7%
Biên lợi nhuận ròng	2.8%	3.3%	3.8%	4.1%	4.5%	22.6%	17.8%

Nguồn: PHS dự phóng

Định giá và khuyến nghị

Sử dụng phương pháp SOTP và DCF, chúng tôi ước tính giá hợp lý dành cho MWG là 92,500 VND/cổ phiếu. Mức định giá này phản ánh sự điều chỉnh dự phóng KQKD 2025F đã nêu trên, cũng như điều chỉnh hệ số P/S mục tiêu dành cho mảng bách hóa là 1.0x (so với 0.6x trước đó) nhằm phản ánh vị thế dẫn đầu của chuỗi BHX cũng như tiềm năng tăng trưởng dài hạn đến năm 2030F. Với mức tăng giá tiềm năng là 17% so với giá đóng cửa ngày 24/09/2025, chúng tôi nâng khuyến nghị từ **NĂM GIỮ** thành **TĂNG TỶ TRỌNG**.

Hình 10: Diễn biến P/S của MWG giai đoạn 2020 - TTM



Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Doanh thu thuần	133,405	118,280	134,341	153,911	173,079
Giá vốn hàng bán	(102,543)	(95,759)	(106,842)	(122,697)	(137,444)
Lợi nhuận gộp	30,862	22,521	27,499	31,214	35,635
Chi phí bán hàng	(22,337)	(20,917)	(19,850)	(19,166)	(21,596)
Chi phí QLDN	(1,881)	(1,168)	(3,566)	(4,693)	(5,216)
Lợi nhuận từ HĐKD	6,644	436	4,084	7,356	8,823
Lợi nhuận tài chính	1,313	2,167	2,377	3,015	3,489
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,188)	(1,704)	(1,535)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	4,826	8,679	10,793
Lợi nhuận sau thuế	4,102	168	3,733	6,289	7,821
LNST của cổ đông Công ty mẹ	4,100	168	3,722	6,289	7,821
Cân đối kế toán	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Tài Sản Ngắn Hạn	44,578	51,950	65,836	75,492	84,590
Tiền và tương đương tiền	5,061	5,366	4,897	7,350	6,031
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10,069	18,937	29,324	32,520	39,213
Phải thu ngắn hạn	178	308	241	277	311
Hàng tồn kho	25,696	21,824	22,245	24,506	26,904
Tài sản ngắn hạn khác	3,573	5,515	9,129	10,840	12,132
Tài Sản Dài Hạn	11,256	8,161	4,601	3,190	1,969
Phải thu dài hạn	503	458	390	557	613
Tài sản cố định	9,679	6,452	3,538	1,846	430
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	124	4	25	37	46
Đầu tư tài chính dài hạn	231	747	242	318	412
Tài sản dài hạn khác	364	207	358	433	468
Lợi thế thương mại	355	294	48	0	0
Tổng cộng tài sản	55,834	60,111	70,438	78,682	86,559
Nợ phải trả	31,902	36,752	42,316	44,828	45,448
Nợ ngắn hạn	26,000	30,765	42,316	44,828	45,448
Nợ dài hạn	5,901	5,986	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	23,933	23,360	28,122	33,855	41,111
Vốn góp	14,639	14,634	14,622	14,797	14,971
Lợi ích cổ đông thiểu số	15	13	364	364	364
Tổng nguồn vốn	55,834	60,111	70,438	78,682	86,559

Lưu chuyển tiền tệ	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	7,976	3,436	8,517	3,639	4,375
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	1,549	(10,831)	(11,743)	(741)	(3,664)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(8,606)	7,700	2,757	(445)	(2,029)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	919	304	(468)	2,452	(1,319)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4,142	5,061	5,366	4,897	7,350
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5,061	5,365	4,897	7,350	6,031
Chỉ số tài chính	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Tăng trưởng					
Doanh thu	8.5%	-11.3%	13.6%	14.6%	12.5%
Lợi nhuận sau thuế	-16.3%	-95.9%	2124.5%	68.5%	24.4%
Tổng tài sản	-11.3%	7.7%	17.2%	11.7%	10.0%
Tổng vốn chủ sở hữu	17.4%	-2.4%	18.9%	20.7%	21.7%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	23.1%	19.0%	20.5%	20.3%	20.6%
Tỷ suất EBIT	5.0%	0.4%	3.0%	4.8%	5.1%
Tỷ suất lãi ròng	3.1%	0.1%	2.8%	4.1%	4.5%
ROA	7.3%	0.3%	5.3%	8.0%	9.0%
ROE	17.1%	0.7%	13.3%	18.6%	19.0%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	0.1	0.1	0.1	0.1	0.1
Số ngày tồn kho	91.5	82.8	76.4	73.3	71.8
Số ngày phải trả	38.1	32.7	28.6	28.9	29.9
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.7	1.7	1.6	1.7	1.9
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.7	1.0	1.0	1.1	1.3
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.6	0.6	0.6	0.6	0.5
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.3	1.6	1.5	1.3	1.1
Vay ngắn hạn/VCSH	0.4	0.8	1.0	0.8	0.6
Vay dài hạn/VCSH	0.2	0.3	-	-	-

(Nguồn: PHS tổng hợp và ước tính)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích cao cấp** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ,
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa,
Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà
Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801